

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 139/2017/HSST.

Ngày: 15/8/2017.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân nhân: Ông Lò Văn Quốc + Lương Văn Pọm.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 142/2017/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Hà Văn V; tên gọi khác: Không; SN: 1975; nơi ĐKKHKT: Bản P, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Bản B, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; trình độ văn hoá: Không; dân tộc: Thái; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Hà Văn Pêu (Đã chết) và bà: Lò Thị Đồi – SN: 1944; bị cáo có vợ là: Tòng Thị Thuận – SN: 1979 (Đã ly hôn) và có 01 con 03 tuổi.

Tiền án: Tại bản án số: 91/2017/HSST ngày 10/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã tuyên phạt bị cáo Hà Văn V 04 (Bốn) tháng 08 (Tám) ngày tù, về tội: Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam từ ngày 27/5/2017 (Có mặt).

* Người bị hại: Anh Lương Văn Phỏng, SN: 1965, trú tại: Bản Ta Ngần, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 29/5/2016, Hà Văn V đến nhà ao của anh Lò Văn Thúc (SN: 1974, tại bản Bó Tả, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La) xin ngủ nhờ, khoảng 03 giờ ngày 30/5/2016, trong lúc anh Thúc đang ngủ say, thì V tỉnh giấc, nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên đã lấy 01 chiếc đèn pin ở đệm ngủ và nhặt 01 que sắt hình dẹt dài khoảng 07 cm dưới nền đất thuộc khu vực nhà ao anh

Thức, rồi đi bộ qua nhà anh Lương Văn Phông (*Thuộc Bản Ta Ngàn, xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu*), phát hiện nhà anh Phông không khóa cổng, dưới gầm sàn có dựng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại Draem, nên V đã tiến đến dùng que sắt mở ổ khóa điện, dắt ra ngoài, nổ máy, điều khiển xe đi đến nhà chị gái là Hà Thị Tình (*Tại bản Dọ, xã Nậm É, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La*), khi đến nhà chị Tình, thì V gặp con gái chị Tình là Lò Thị Loản (*SN: 1986, trú tại bản Hào – Nậm É – Quỳnh Nhai*), V đã nói chuyện và hỏi Loản có mua xe máy không ?, Loản hỏi ý kiến chồng là Tòng Văn Minh, sau đó vợ chồng Loản – Minh thống nhất mua chiếc xe máy (*V vừa trộm cắp được*) với giá 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), và do chưa đủ tiền nên vợ chồng Loản mới trả trước cho V được 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), số 8.000.000đ còn lại hẹn khi nào V mang đủ giấy tờ xe đến sẽ thanh toán sau.

Ngày 27/5/2017, cơ quan Điều tra Công án huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã phát hiện ra hành vi trộm cắp chiếc xe máy của Hà Văn V đã thực hiện ngày 30/5/2016 tại nhà anh Lương Văn Phông. Thu giữ vật chứng là 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, BKS: 26K5 – 9671, do anh Tòng Văn Minh (*Chồng chị Loản*), tự nguyện giao nộp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 279/KL – ĐGDGTS ngày 27/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: 01 chiếc xe mô tô (*Xe Máy*) nhãn hiệu HONDA, loại Draem, BKS: 26K5 – 9671, mua năm 2009 có giá 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

Tại cơ quan Điều tra, Hà Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS: 26K5 – 9671, của gia đình anh Lương Văn Phông vào ngày 30/5/2016 như đã nêu. Số tiền 2.000.000đ do bán chiếc xe máy trộm cắp đã tiêu xài cá nhân hết; Phía người bị hại – anh Lương Văn Phông trước đó đã có đơn trình báo sự việc bị mất trộm chiếc xe máy BKS: 26K5 – 967 tại gầm sàn của gia đình vào ngày 30/5/2016 như đã nêu.

Tại cơ quan Điều tra, vợ chồng anh Tòng Văn Minh + chị Lò Thị Loản, khai nhận: Ngày 30/5/2016, có mua chiếc xe máy BKS: 26K5 – 9671, từ bị can Hà Văn V, khi mua bán hoàn toàn không biết chiếc xe trộm cắp mà có cho tới khi biết chiếc xe là tang vật của vụ án, đã tự nguyện giao nộp cơ quan điều tra. Đối với số tiền 2.000.000đ đã trả cho bị can trong giao dịch mua bán, thì anh Minh + chị Loản xác định bị cáo không có khả năng hoàn trả, do vậy không yêu cầu giải quyết.

Tại bản Cáo trạng số: 104/KSĐT ngày 14/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố bị can Hà Văn V về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố bị cáo Hà Văn V, với tội danh và Điều khoản luật áp dụng như trên. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự ;

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn V phạm tội: Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo mức án tù 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù giam.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung (*Phạt tiền*), theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự;

- Tuyên truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) do bị cáo phạm tội mà có.

* Chấp nhận việc cơ quan đã trả lại vật chứng là chiếc xe máy BKS: 26K5 – 9671 cho người bị hại là Lương Văn Phong, theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Hà Văn V bồi thường cho người bị hại: Khoản tiền công truy tìm tài sản và thiệt hại của chủ xe không được sử dụng tài sản trong thời gian chiếc xe bị chiếm đoạt, với số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo (V) có ý kiến: Nhất trí với tội danh bị truy tố, xét xử; nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại – anh Lương Văn Phong có ý kiến: Chiếc xe máy bị cáo chiếm đoạt đã được cơ quan Điều tra thu hồi trả lại, nay yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho anh 02 thiệt hại gồm: Khoản tiền công truy tìm tài sản và khoản thiệt hại của chủ xe không được sử dụng tài sản trong thời gian chiếc xe bị chiếm đoạt, với tổng số tiền là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Về trách nhiệm hình sự, thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 30/5/2016, bị cáo Hà Văn V (*Có căn cước như trên*) đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe máy của người bị hại có giá trị 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), với mục đích nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Xét lời khai nhận của bị cáo ở quá trình điều tra cũng như ở tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa

điểm, tài sản bị cáo chiếm đoạt, bản kết luận định giá đối với vật chứng thu giữ là chiếc xe máy cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Hà Văn V đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm ”.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi tội phạm bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật nhà nước bảo vệ và gây mất trật tự an ninh ở địa phương. Do vậy cần áp dụng một hình phạt tù giam nghiêm khắc với mục đích là chế tài trừng trị đối với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra đồng thời cũng là để giáo dục và cải tạo bị cáo thành người công dân thực sự có ích cho xã hội. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, có mức hình phạt từ tù sáu tháng đến ba năm là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật về tội phạm và hình phạt. Bản án xét xử về hành vi phạm tội của các bị cáo còn là bài học chung trong công tác đấu tranh phòng chống các loại tội về xâm phạm quyền sở hữu trong giai đoạn hiện nay.

[4] Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ: Xét tại phiên tòa tuy bị cáo có thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhưng là do không thể chối cãi được trước các tài liệu, chứng cứ do cơ quan Điều tra đã thu thập. Đặc biệt trước đó tại phiên tòa ngày 10/5/2017, bị cáo cũng đã không hề khai ra hành vi phạm tội của vụ án đang bị xét xử. Do vậy không có cơ sở để áp dụng một trong các tình tiết giảm nhẹ nào, theo quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo.

[6] Xét nhân thân bị cáo đã từng bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản thực hiện ngày 03/01/2017 (Bản án số: 91/2017/HSST ngày 10/5/2017) là hành vi phạm tội sau so với hành vi phạm tội của vụ án đang xét xử. Do vậy không thuộc trường hợp bị áp dụng tình tiết tái phạm, mà cần xem xét đánh giá bị cáo có nhân thân xấu khi lượng hình phạt.

[7] Bị cáo đang bị tạm giam, cần tiếp tục giam giữ bị cáo trong hạn 45 ngày, theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 của Điều 138 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản thi hành, do vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng.

[9] Trách nhiệm dân sự: Xét tài sản bị cáo chiếm đoạt (*Chiếc xe máy*) đã được thu hồi trả lại cho người bị hại. Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo bồi

thường 02 khoản thiệt hại gián tiếp gồm: Chi phí công truy tìm tài sản và khoản thiệt hại do chủ xe không được sử dụng tài sản trong thời gian chiếc xe bị chiếm đoạt chưa thu hồi, với tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Xét là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự; Nên cần được chấp nhận.

[10] Đối với vợ chồng (*Anh Tòng Văn Minh + Chị Lò Thị Loãn*) là người đã đưa bị cáo một khoản tiền (2.000.000đ) trong giao dịch mua bán chiếc xe máy là vật chứng vụ án. Kết quả điều tra xác định: Khi mua bán anh Minh + Chị Loãn không biết chiếc xe máy do bị cáo phạm tội mà có. Do vậy cơ quan điều tra không đặt ra vấn đề xử lý hình sự là có căn cứ. Ngoài ra anh Minh + Chị Loãn cũng không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 2.000.000đ. Do vậy Hội đồng xét xử xét xử không đưa anh Minh + Chị Loãn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[11] Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo có được do tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có và đã tiêu xài cá nhân. Cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; Để tuyên truy thu sung công quỹ nhà nước.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 99 BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[13] Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án, theo quy định tại các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn V phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 – điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hà Văn V 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 27/5/2017 (Là ngày bắt giữ bị cáo).

3. Trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo (V) bồi thường cho người bị hại (*Anh Lương Văn Phỏng*), chi phí truy tìm tài sản và thiệt hại do mất quyền sử dụng tài sản trong thời gian chưa được cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ, với tổng số tiền là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

4. Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự;

- Tuyên truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đối với bị cáo Hà Văn V, do phạm tội mà có.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*).

6. Quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho bị cáo, người bị hại biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- Trại giam;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đã ký

Nguyễn Kỳ Việt